TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CR** **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28.02.2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CR, TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hùng Việt

2. Bà Trịnh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CR.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông LMD, sinh năm 1995
Nơi cư trú: KP10, phường PH, thị xã LG, tỉnh BT. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà LTĐ, sinh năm: 1996
Nơi cư trú: Tổ dân phố LH, phường CL, thành phố CR, tỉnh KH. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2022, bản tự khai ngày 14 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên ông LMD trình bày:* Ông và bà LTĐ tự nguyện chung sống từ năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường PH, thị xãLG, tỉnh BTcấp giấy chứng nhận kết hôn số 496, ngày 20 tháng 8 năm 2018. Trong quá trình chung sống được 02 năm thì bà Điểm không muốn chung sống với ông nữa nên về nhà bố mẹ bà Điểm tại CR sinh sống, bà Điểm không quan tâm đến gia đình, bỏ con cho ông

nuôi dưỡng. Hiện nay vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với bà LTĐ.

- *Về con chung:* Ông và bà LTĐ có 01 con chung là LGT Đ, sinh ngày: 01/8/2018. Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà Điểm cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà LTĐ đã được Tòa án tống Đ hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia các phiên họp, hòa giải, xét xử.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR:*

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông LMD.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Nguyên đơn ông LMD đã giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Căn cước công dân mang tên LMD (bản sao); Giấy khai sinh LGTĐ (bản sao).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 24 tháng 11 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố CR nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CR theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông LMD có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà LTĐ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn ông LMD có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa, bà LTĐ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy yêu cầu của ông D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà Điểm.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông LMD và bà LTĐ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường PH, thị xãLG, tỉnh BTcấp giấy chứng nhận kết hôn số 496, ngày 20 tháng 8 năm 2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ông LMD cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Điểm bỏ về nhà bố mẹ ở CR sinh sống, không quan tâm con cái, bỏ con lại cho ông nuôi dưỡng. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà LTĐ đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử nhưng bà Điểm đều vắng mặt.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên ông LMD yêu cầu ly hôn bà LTĐ là phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Ông LMD và bà LTĐ có 01 con chung là LGTĐ, sinh ngày: 01/8/2018. Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà Điểm cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Khi bà Điểm bỏ về nhà cha mẹ ở CR sinh sống, con chung do ông D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay. Vì vậy, ông D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông LMD không yêu cầu bà LTĐ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông LMD không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí*:* Ông LMD phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông LMD.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông LMD được ly hôn với bà LTĐ.

2. Về con chung: Ông LMD được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu LGTĐ, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông LMD là ông LMD không yêu cầu bà LTĐ phải cấp dưỡng nuôi con.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Ông LMD không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Ông LMD phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000228 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CR. Ông LMD đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Ông LMD, bà LTĐ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống Đ bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KH;
- VKSND TP. CR;
- CC THADS TP. CR;
- UBND phường PHi, thị xã LG, tỉnh BT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hùynh Thị Xuân Oanh